

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN
(Tính đến ngày 09/07/2026)**

Khoa:

Kinh tế - Quản trị

Số ngày CTXH phải thực hiện: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH72200297	Hà Huỳnh Thúy	An	D22_KD01	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
2	DH72201921	Phí Thị Ngọc	Anh	D22_KD01	10	1	-	-	1	-	8	-	-	0
3	DH72201960	Nguyễn Hoàng	Danh	D22_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
4	DH72201961	Nguyễn Thanh	Danh	D22_KD01	10	1	0.5	-	2.5	-	6	-	-	0
5	DH72201995	Trần Thanh	Duy	D22_KD01	14.5	-	-	-	2.5	-	7	1	4	0
6	DH72202005	Nguyễn Thị Thu	Duyên	D22_KD01	12	-	0.5	-	0.5	-	7	-	4	0
7	DH72202007	Trần Thị Mỹ	Duyên	D22_KD01	20	1	1	-	2.5	-	8	-	7.5	0
8	DH72202014	Lê Nguyễn Thanh	Giàu	D22_KD01	13.5	-	1	-	1	-	9.5	-	2	0
9	DH72202040	Trương Gia	Hào	D22_KD01	11	3	1	-	2.5	-	4.5	-	-	0
10	DH72202065	Lê Thanh	Hoài	D22_KD01	5.5	-	-	-	1	-	2.5	-	2	4.5
11	DH72202070	Nguyễn Kim	Hồng	D22_KD01	26.5	1	-	-	2.5	-	15.5	1	6.5	0
12	DH72202120	Nguyễn Đình	Khôi	D22_KD01	15	13	-	-	0.5	-	1.5	-	-	0
13	DH72202132	Trương Tuấn	Kiệt	D22_KD01	14.5	-	-	-	-	-	14.5	-	-	0
14	DH72202143	Ngô Thị Bích	Liên	D22_KD01	14	-	-	1	0.5	-	10.5	-	2	0
15	DH72202148	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D22_KD01	13.5	1	0.5	-	3	-	9	-	-	0
16	DH72202177	Võ Thị Ngọc	Mai	D22_KD01	15	-	-	1	1	-	11	-	2	0
17	DH72202187	Nguyễn Thảo	My	D22_KD01	11	1	-	-	3	-	7	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
18	DH72202195	Lê Võ Hoàng	Nam	D22_KD01	13.5	-	0.5	-	1.5	-	11.5	-	-	0
19	DH72202210	Nguyễn Kim	Ngân	D22_KD01	15	-	1	-	3	-	9	-	2	0
20	DH72202280	Nguyễn Lâm Thuận	Phát	D22_KD01	14	-	0.5	-	0.5	-	13	-	-	0
21	DH72201220	Lý Thế	Phú	D22_KD01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
22	DH72106725	Trần Thanh Thái	Sơn	D22_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
23	DH72202335	Lê Nhật	Thạch	D22_KD01	15.5	14	-	1	0.5	-	-	-	-	0
24	DH72202339	Nguyễn Thị Kim	Thân	D22_KD01	43	30.5	0.5	-	-	-	2	-	10	0
25	DH72100541	Trương Quốc	Thắng	D22_KD01	18.5	17	-	-	-	-	1.5	-	-	0
26	DH72202348	Đặng Hoàng Thanh	Thảo	D22_KD01	12.5	-	1	-	3	-	6.5	-	2	0
27	DH72202354	Nguyễn Thanh	Thảo	D22_KD01	30.5	18.5	-	-	0.5	-	4.5	-	7	0
28	DH72202360	Phạm Thị Thanh	Thảo	D22_KD01	11.5	-	-	-	2.5	-	8	1	-	0
29	DH72202385	Nguyễn Mộng Anh	Thư	D22_KD01	27.5	15	-	-	0.5	-	5	-	7	0
30	DH72202394	Trần Ngọc Hoài	Thương	D22_KD01	12.5	1	0.5	-	0.5	-	10.5	-	-	0
31	DH72202405	Huỳnh Lê Ngọc Thủy	Tiên	D22_KD01	33.5	19	-	1	-	-	4.5	-	9	0
32	DH72111879	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D22_KD01	20	20	-	-	-	-	-	-	-	0
33	DH72202407	Nguyễn Anh	Tiến	D22_KD01	12	1	-	-	2.5	-	7.5	1	-	0
34	DH72202418	Phạm Đỗ Bảo	Trâm	D22_KD01	12	1	-	-	-	-	11	-	-	0
35	DH72202427	Phạm Đỗ Bảo	Trân	D22_KD01	12	1	-	-	-	-	11	-	-	0
36	DH72113677	Hoàng Minh	Trí	D22_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
37	DH72202466	Phạm Nguyễn Thanh	Trúc	D22_KD01	17.5	-	0.5	-	2.5	-	12.5	-	2	0
38	DH72201951	Lê Công	Chính	D22_KD02	16	-	-	-	-	-	10	-	6	0
39	DH72201952	Huỳnh Hoa	Chuộng	D22_KD02	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
40	DH72201965	Trần Hồ Tuấn	Đạt	D22_KD02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
41	DH72201971	Phạm Thị Ngọc	Diễm	D22_KD02	5	-	-	-	1.5	-	3.5	-	-	5
42	DH72201982	Trương Thị Bích	Dung	D22_KD02	11.5	-	1	-	1.5	-	9	-	-	0
43	DH72201988	Đoàn Thị Thùy	Dương	D22_KD02	14.5	0.5	0.5	-	1	-	5	-	7.5	0
44	DH72202017	Nguyễn Thị Kim	Hà	D22_KD02	11	-	1	-	0.5	-	9.5	-	-	0
45	DH72202019	Thái Ngọc	Hà	D22_KD02	10	-	0.5	-	6.5	-	3	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
46	DH72202025	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	D22_KD02	16.5	-	0.5	-	1.5	-	7.5	1	6	0
47	DH72202037	Nguyễn Chí	Hào	D22_KD02	5	-	-	-	1.5	-	3.5	-	-	5
48	DH72202095	Trần Đình Anh	Huy	D22_KD02	1	-	-	-	1	-	-	-	-	9
49	DH72202090	Nguyễn Gia	Huy	D22_KD02	16	-	0.5	1	0.5	-	8	-	6	0
50	DH72203913	Huỳnh Ngọc Vân	Khánh	D22_KD02	13.5	-	0.5	-	3.5	-	8.5	1	-	0
51	DH72202119	Lữ Đăng	Khôi	D22_KD02	4	1	-	-	2	-	1	-	-	6
52	DH72202121	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	D22_KD02	16.5	10	-	-	-	-	0.5	-	6	0
53	DH72202129	Ngô Gia	Kiệt	D22_KD02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
54	DH72202165	Nguyễn Tấn	Lực	D22_KD02	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
55	DH72202179	Đàm Thị Bích	Mị	D22_KD02	11.5	-	0.5	-	1	-	10	-	-	0
56	DH72202199	Trần Thị Kiều	Nga	D22_KD02	19.5	0.5	1	-	0.5	-	11.5	-	6	0
57	DH72202225	Ngô Thị Bé	Ngọc	D22_KD02	10.5	-	0.5	-	3	-	7	-	-	0
58	DH72202245	Đỗ Thị Yến	Nhi	D22_KD02	13.5	-	0.5	-	2.5	-	10.5	-	-	0
59	DH72202252	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D22_KD02	17	-	-	-	-	-	17	-	-	0
60	DH72202261	Võ Thị Yến	Nhi	D22_KD02	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
61	DH72202281	Trần Quảng	Phát	D22_KD02	4	1	-	-	2	-	1	-	-	6
62	DH72202312	Thái Như	Quỳnh	D22_KD02	10	-	-	-	0.5	-	3.5	-	6	0
63	DH72202322	Nguyễn Ngọc	Tài	D22_KD02	10	-	-	-	2.5	-	7.5	-	-	0
64	DH72202331	Vương Thị Minh	Tâm	D22_KD02	16.5	12	0.5	-	1	-	3	-	-	0
65	DH72202349	Đặng Thụy Phương	Thảo	D22_KD02	18.5	-	1	-	1	-	10.5	-	6	0
66	DH72202376	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D22_KD02	17	-	-	-	1	-	10	-	6	0
67	DH72202409	Nguyễn Thanh	Toàn	D22_KD02	19	-	0.5	-	1	-	11.5	-	6	0
68	DH72202429	Tiêu Bảo	Trân	D22_KD02	4.5	1	-	-	1	-	1.5	1	-	5.5
69	DH72202439	Trần Võ Đoan	Trang	D22_KD02	19	-	-	3	0.5	-	9.5	-	6	0
70	DH72202441	Trương Thùy	Trang	D22_KD02	18	0.5	0.5	-	-	-	11	-	6	0
71	DH72202465	Nguyễn Thị Oanh	Trúc	D22_KD02	7.5	-	0.5	-	3	-	4	-	-	2.5
72	DH72202467	Trần Thị Thanh	Trúc	D22_KD02	14	-	-	-	-	-	14	-	-	0
73	DH72202523	Phạm Thị Tường	Vy	D22_KD02	21.5	14.5	-	-	0.5	-	5.5	1	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
74	DH72200303	Nguyễn Hoàng	An	D22_MAR01	3.5	-	-	-	2.5	-	-	1	-	6.5
75	DH72201949	Trần Minh	Chiến	D22_MAR01	18.5	10	0.5	-	-	-	8	-	-	0
76	DH72200134	Huỳnh Tấn	Cường	D22_MAR01	31	28	-	-	-	-	3	-	-	0
77	DH72200146	Phạm Nguyễn Nhật	Duy	D22_MAR01	42.5	34	-	-	-	-	8.5	-	-	0
78	DH72202006	Phạm Nguyễn Phương	Duyên	D22_MAR01	10.5	-	0.5	-	-	-	10	-	-	0
79	DH72202016	Nguyễn Ngọc	Hà	D22_MAR01	28	17	0.5	-	4	-	4.5	-	2	0
80	DH72202030	Đỗ Thị Thu	Hằng	D22_MAR01	14	-	0.5	-	-	-	13.5	-	-	0
81	DH72202033	Nguyễn Vũ Thị Thu	Hằng	D22_MAR01	6	-	1	-	-	-	2	-	3	4
82	DH72202050	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D22_MAR01	17.5	-	-	-	2.5	-	11	4	-	0
83	DH72200157	Nguyễn Đức Bạch	Hiếu	D22_MAR01	92.5	66	-	-	-	-	20.5	-	6	0
84	DH72202081	Phạm Thanh	Hương	D22_MAR01	14	3.5	0.5	-	4	-	5	1	-	0
85	DH72114310	Phan Thị Thu	Hương	D22_MAR01	6.5	-	1.5	-	-	-	3	-	2	3.5
86	DH72200769	Lê Lâm	Huy	D22_MAR01	56.5	24	0.5	5	-	-	27	-	-	0
87	DH72200900	Dương Đăng	Khoa	D22_MAR01	13	-	-	-	6.5	-	6.5	-	-	0
88	DH72202123	Nguyễn Phước	Khôi	D22_MAR01	11	-	-	4	0.5	-	6.5	-	-	0
89	DH72202128	Lê Tuấn	Kiệt	D22_MAR01	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
90	DH72202137	Phùng Huỳnh	Lâm	D22_MAR01	11.5	3	0.5	-	-	-	5	-	3	0
91	DH72202146	Huỳnh Thị Thùy	Linh	D22_MAR01	12	1	0.5	9	-	-	1.5	-	-	0
92	DH72111304	Lê Trần Ngọc	Minh	D22_MAR01	14	13.5	-	-	-	-	0.5	-	-	0
93	DH72202201	Cao Thanh	Ngân	D22_MAR01	12.5	-	0.5	-	2	-	10	-	-	0
94	DH72202236	Nguyễn Hoa Phong	Nhã	D22_MAR01	11.5	-	-	2	6	-	3.5	-	-	0
95	DH72202254	Phạm Yến	Nhi	D22_MAR01	12	1	0.5	5	-	-	3.5	-	2	0
96	DH72114742	Trần Huỳnh Thảo	Nhi	D22_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
97	DH72202259	Trịnh Nguyễn An	Nhi	D22_MAR01	16.5	-	0.5	2	2	-	4	2	6	0
98	DH72202265	Nguyễn Quỳnh	Như	D22_MAR01	22	13	0.5	1	0.5	-	7	-	-	0
99	DH72202269	Phan Thị Huỳnh	Như	D22_MAR01	13.5	-	0.5	3	-	-	10	-	-	0
100	DH72111494	Nguyễn Hoàng	Phong	D22_MAR01	13	12	-	1	-	-	-	-	-	0
101	DH72202300	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	D22_MAR01	12.5	-	-	1	0.5	-	11	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
102	DH72201307	Nguyễn Phúc Toàn	Quang	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
103	DH72202332	Đoàn Quốc	Tân	D22_MAR01	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
104	DH72201409	Huỳnh Nhựt	Tân	D22_MAR01	52.5	45	-	1	-	-	6.5	-	-	0
105	DH72202357	Nguyễn Thu	Thảo	D22_MAR01	24	15	0.5	1	-	-	7.5	-	-	0
106	DH72201457	Lý Quán	Thành	D22_MAR01	3	-	-	1	-	-	2	-	-	7
107	DH72201495	Lê Hoàng Phú	Thịnh	D22_MAR01	12.5	-	0.5	1	2.5	-	8.5	-	-	0
108	DH72202383	Nguyễn Anh	Thư	D22_MAR01	10.5	-	0.5	3	3.5	-	3.5	-	-	0
109	DH72202388	Phạm Minh	Thư	D22_MAR01	13	-	0.5	1	2	-	9.5	-	-	0
110	DH72202397	Đoàn Huỳnh Mỹ	Thuy	D22_MAR01	11	-	-	1	0.5	-	6.5	-	3	0
111	DH72202421	Võ Nguyễn Bích	Trâm	D22_MAR01	73	32	0.5	6	-	-	31.5	-	3	0
112	DH72202424	Giang Mỹ	Trân	D22_MAR01	10	-	1.5	1	0.5	-	7	-	-	0
113	DH72202425	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	D22_MAR01	11.5	-	0.5	1	2.5	-	3.5	2	2	0
114	DH72202438	Trần Phương	Trang	D22_MAR01	12.5	-	-	3	3.5	-	3	-	3	0
115	DH72202440	Trương Thị Thùy	Trang	D22_MAR01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
116	DH72202442	Nguyễn Bảo	Trí	D22_MAR01	17	11	0.5	1	-	-	3.5	1	-	0
117	DH72110412	Nguyễn Đoàn Trí	Trung	D22_MAR01	29.5	26.5	-	1	-	-	2	-	-	0
118	DH72202484	Nguyễn Sơn	Tùng	D22_MAR01	10	7	-	1	-	-	-	-	2	0
119	DH72202513	Lê Hạ	Vy	D22_MAR01	10.5	-	0.5	1	1.5	-	4.5	-	3	0
120	DH72202520	Nguyễn Triệu	Vy	D22_MAR01	13	-	1	2	1.5	-	5.5	-	3	0
121	DH72202521	Nguyễn Vũ Yến	Vy	D22_MAR01	5.5	-	-	3	-	-	0.5	-	2	4.5
122	DH72202528	Bùi Vũ Văn	Vỹ	D22_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
123	DH72202530	Ngô Đình	ý	D22_MAR01	16.5	13	-	2	0.5	-	1	-	-	0
124	DH72202531	Trần Như	ý	D22_MAR01	16	-	1	3	2	-	3	2	5	0
125	DH72112131	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	D22_MAR01	20.5	16.5	-	2	-	-	2	-	-	0
126	DH72201911	Nguyễn Phương	An	D22_MAR02	19.5	16.5	-	2	-	-	1	-	-	0
127	DH72201920	Phan Thị Kim	Anh	D22_MAR02	12	1	-	2	-	-	9	-	-	0
128	DH72201939	Lê Huy	Cát	D22_MAR02	30.5	16	-	2	2.5	-	9	1	-	0
129	DH72201944	Quách Ngọc	Châu	D22_MAR02	14	-	-	3	1.5	-	9.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
130	DH72201956	Bùi Đình	Đại	D22_MAR02	16	1	-	4.5	-	-	10.5	-	-	0
131	DH72201963	Trần Thị Thanh	Đào	D22_MAR02	5	-	-	3	2	-	-	-	-	5
132	DH72201967	Trần Tấn	Đạt	D22_MAR02	11	-	-	3	-	-	6	2	-	0
133	DH72201978	Đỗ Minh	Đức	D22_MAR02	7	-	-	3	3.5	-	0.5	-	-	3
134	DH72202002	Nguyễn Thị Kim	Duyên	D22_MAR02	6	-	-	3	2	-	1	-	-	4
135	DH72202012	Trương Quỳnh	Giao	D22_MAR02	11.5	-	-	3	2	-	6.5	-	-	0
136	DH72202026	Phạm Thị Thanh	Hân	D22_MAR02	10	-	0.5	3	4.5	-	2	-	-	0
137	DH72202032	Nguyễn Nữ Minh	Hằng	D22_MAR02	39	1	0.5	6.5	0.5	-	28.5	-	2	0
138	DH72202039	Trương Gia	Hào	D22_MAR02	9	-	-	3	4	-	2	-	-	1
139	DH72202082	Phan Thị Mai	Hương	D22_MAR02	10	-	0.5	2	0.5	-	7	-	-	0
140	DH72202087	Nguyễn Anh	Huy	D22_MAR02	12	1	-	8.5	-	-	2.5	-	-	0
141	DH72202098	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	D22_MAR02	11.5	-	0.5	2	3.5	-	3.5	-	2	0
142	DH72202138	Nguyễn Ngọc	Lan	D22_MAR02	12	-	0.5	2	4	-	3.5	-	2	0
143	DH72202169	Trần Thị Diệu	Ly	D22_MAR02	12	-	0.5	2	2	-	7.5	-	-	0
144	DH72202173	Lê Ngọc	Mai	D22_MAR02	12	-	0.5	2	4	-	5.5	-	-	0
145	DH72202174	Nguyễn Thị Hiền	Mai	D22_MAR02	10.5	-	0.5	2	3.5	-	4.5	-	-	0
146	DH72202175	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	D22_MAR02	20.5	14.5	-	2	-	-	4	-	-	0
147	DH72202185	Nguyễn Hồng Thảo	My	D22_MAR02	8.5	0.5	-	2	1	-	5	-	-	1.5
148	DH72202190	Phan Thảo	My	D22_MAR02	5	-	-	2	-	-	2	1	-	5
149	DH72202203	Huỳnh Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	24.5	16.5	-	2	-	-	5	1	-	0
150	DH72202212	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	11.5	-	0.5	2	2.5	-	6.5	-	-	0
151	DH72202216	Trần Thị Thúy	Ngân	D22_MAR02	11.5	-	0.5	2	2	-	7	-	-	0
152	DH72202221	Trần Gia	Nghi	D22_MAR02	15.5	1	1	2	-	-	8.5	3	-	0
153	DH72202233	Trần Thị Thảo	Nguyên	D22_MAR02	14	-	-	2	3.5	-	8.5	-	-	0
154	DH72202246	Huỳnh Ngọc	Nhi	D22_MAR02	39	15.5	-	2	-	-	21.5	-	-	0
155	DH72202258	Trịnh Hà Tú	Nhi	D22_MAR02	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
156	DH72202266	Nguyễn Thanh	Như	D22_MAR02	12.5	-	-	2	5.5	-	5	-	-	0
157	DH72202275	Nguyễn Hoàng	Oanh	D22_MAR02	15	-	1	2	4	-	8	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
158	DH72202302	Trần Hoàng	Quân	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
159	DH72202359	Nguyễn Võ Nguyên	Thảo	D22_MAR02	10	-	-	2	4	-	4	-	-	0
160	DH72202362	Phan Nguyễn Phương	Thảo	D22_MAR02	12.5	-	0.5	6.5	0.5	-	5	-	-	0
161	DH72202363	Tổng Thị Ngọc	Thảo	D22_MAR02	9	-	-	1	6	-	2	-	-	1
162	DH72202374	Nguyễn Kim	Thơ	D22_MAR02	8.5	-	-	1	2.5	-	5	-	-	1.5
163	DH72202375	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D22_MAR02	10	-	0.5	2.5	-	-	7	-	-	0
164	DH72202384	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	D22_MAR02	19	13	-	1	-	-	5	-	-	0
165	DH72202393	Ngô Thị Hồng	Thương	D22_MAR02	159.5	110	-	1	0.5	-	36.5	1	10.5	0
166	DH72202422	Phan Thị Ngọc	Trâm	D22_MAR02	10.5	-	0.5	5	-	-	5	-	-	0
167	DH72202430	Trần Bảo	Trân	D22_MAR02	11	-	-	-	2.5	-	8.5	-	-	0
168	DH72202436	Nguyễn Thị Thu	Trang	D22_MAR02	9.5	-	-	2.5	1	-	6	-	-	0.5
169	DH72202446	Lê Ngọc Phương	Trinh	D22_MAR02	9.5	-	0.5	1.5	0.5	-	7	-	-	0.5
170	DH72202448	Nguyễn Thị Diễm	Trình	D22_MAR02	10	-	-	1.5	0.5	-	8	-	-	0
171	DH72202449	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	D22_MAR02	11	-	0.5	-	0.5	-	10	-	-	0
172	DH72202450	Nguyễn Thị Tú	Trình	D22_MAR02	12	-	-	-	5	-	7	-	-	0
173	DH72202452	Phan Ngọc	Trình	D22_MAR02	6.5	-	-	-	2	-	4.5	-	-	3.5
174	DH72202458	Du Mỹ	Trúc	D22_MAR02	18	1	-	0.5	1.5	-	12	3	-	0
175	DH72202499	Lữ Thị Tuyết	Vân	D22_MAR02	8.5	-	0.5	-	1.5	-	6.5	-	-	1.5
176	DH72202514	Lê Ngọc Thúy	Vy	D22_MAR02	10.5	-	0.5	-	-	-	10	-	-	0
177	DH72202515	Lê Nguyễn Đông	Vy	D22_MAR02	9.5	-	-	-	4.5	-	4	1	-	0.5
178	DH72202522	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	D22_MAR02	21	15.5	-	-	2	-	3.5	-	-	0
179	DH72202524	Phạm Tường	Vy	D22_MAR02	6	-	-	1.5	1	-	3.5	-	-	4
180	DH72202527	Trương Diệp Thúy	Vy	D22_MAR02	4	0.5	-	-	2	-	1.5	-	-	6
181	DH72202534	Huỳnh Ngọc Hoàng	Yến	D22_MAR02	98.5	69	-	-	-	-	27.5	-	2	0
182	DH72202535	Huỳnh Thị Bảo	Yến	D22_MAR02	13.5	-	0.5	4	1	-	3	-	5	0
183	DH72201922	Trịnh Thị Lan	Anh	D22_MAR03	3	-	-	0.5	-	-	2.5	-	-	7
184	DH72201932	Hồ Chí	Bảo	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
185	DH72201936	Mạc Thị Ngọc	Bích	D22_MAR03	3.5	-	-	0.5	-	-	3	-	-	6.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
186	DH72201937	Hồ Mộng	Cầm	D22_MAR03	10.5	-	0.5	1.5	0.5	-	8	-	-	0
187	DH72201970	Vô Hữu	Đạt	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
188	DH72201973	Phạm Quang	Định	D22_MAR03	22.5	15	-	0.5	-	-	7	-	-	0
189	DH72201983	Vô Kim	Dung	D22_MAR03	12	-	-	-	0.5	-	10.5	1	-	0
190	DH72201992	Trần Thị Thùy	Dương	D22_MAR03	15.5	12.5	-	-	1.5	-	1.5	-	-	0
191	DH72201997	Cao Mỹ	Duyên	D22_MAR03	12.5	-	-	1	7	-	4.5	-	-	0
192	DH72202029	Trần Gia	Hân	D22_MAR03	17	14.5	-	-	1	-	1.5	-	-	0
193	DH72202044	Nguyễn Thị	Hậu	D22_MAR03	10	1	0.5	1.5	1.5	-	5.5	-	-	0
194	DH72202051	Phạm Nguyễn Ngọc	Hiền	D22_MAR03	5.5	-	-	-	3.5	-	-	2	-	4.5
195	DH72202066	Nguyễn Phan Mỹ	Hoài	D22_MAR03	28	24	-	-	0.5	-	1.5	-	2	0
196	DH72202067	Trần Mỹ	Hoài	D22_MAR03	3.5	-	-	0.5	0.5	-	2.5	-	-	6.5
197	DH72202074	Vô Hoàng Tú	Hưng	D22_MAR03	2	-	-	-	0.5	-	0.5	1	-	8
198	DH72202085	Hoàng Nghĩa Quốc	Huy	D22_MAR03	5.5	-	-	-	2	-	3.5	-	-	4.5
199	DH72202089	Nguyễn Chánh Gia	Huy	D22_MAR03	10	-	-	-	4.5	-	5.5	-	-	0
200	DH72202103	Phan Nguyễn Như	Huỳnh	D22_MAR03	17.5	17	-	-	-	-	0.5	-	-	0
201	DH72202133	Huỳnh Thị Kiều	Kiều	D22_MAR03	91.5	40.5	0.5	2	2	-	38.5	-	8	0
202	DH72202153	Quang Khiết	Linh	D22_MAR03	4	-	-	-	3.5	-	0.5	-	-	6
203	DH72103845	Nguyễn Trần Bích	Loan	D22_MAR03	7	-	-	-	3	-	4	-	-	3
204	DH72202168	Nguyễn Thị Yến	Ly	D22_MAR03	11	1	-	-	3	-	5	-	2	0
205	DH72202200	Huỳnh Nguyễn Thụy Ngọc	Ngà	D22_MAR03	13	2	0.5	-	6.5	-	4	-	-	0
206	DH72202220	Phạm Gia	Nghi	D22_MAR03	9.5	-	-	1	1	-	7.5	-	-	0.5
207	DH72202232	Trần Thị Thảo	Nguyên	D22_MAR03	4	-	-	-	3.5	-	0.5	-	-	6
208	DH72202242	Phan Anh	Nhật	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
209	DH72202244	Đào Yến	Nhi	D22_MAR03	8.5	-	-	-	0.5	-	8	-	-	1.5
210	DH72202270	Tổng Huỳnh	Như	D22_MAR03	30.5	23	-	-	0.5	-	4	1	2	0
211	DH72202274	Nguyễn Thị Kim	Ni	D22_MAR03	23.5	12.5	0.5	-	3	-	5.5	-	2	0
212	DH72202298	Trần Hồng	Phuong	D22_MAR03	20	1	1	1	-	-	12	-	5	0
213	DH72202299	Trần Thị Thanh	Phuong	D22_MAR03	13.5	1.5	-	-	1	-	9	-	2	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
214	DH72202308	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	D22_MAR03	7	0.5	-	1	0.5	-	5	-	-	3
215	DH72202315	Lê Quang	Sang	D22_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
216	DH72203679	Lê Tuấn	Tài	D22_MAR03	17	15	-	-	0.5	-	1.5	-	-	0
217	DH72202321	Nguyễn Đức	Tài	D22_MAR03	12.5	-	-	-	1	-	7.5	-	4	0
218	DH72202334	Trần Nhựt	Tân	D22_MAR03	4	-	-	-	3.5	-	0.5	-	-	6
219	DH72202346	Nguyễn Duy	Thành	D22_MAR03	13.5	-	1	-	0.5	-	12	-	-	0
220	DH72202352	Mỹ Thị Hiền	Thảo	D22_MAR03	10	0.5	0.5	1	0.5	-	7.5	-	-	0
221	DH72202364	Võ Thị Phương	Thảo	D22_MAR03	25.5	24	-	-	-	-	0.5	1	-	0
222	DH72202371	Huỳnh Hưng	Thịnh	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
223	DH72202382	Nguyễn Anh	Thư	D22_MAR03	17	16	-	-	-	-	1	-	-	0
224	DH72202416	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	D22_MAR03	10.5	6	0.5	-	1	-	3	-	-	0
225	DH72202419	Trần Bích	Trâm	D22_MAR03	10	-	0.5	4	0.5	-	5	-	-	0
226	DH72114419	Lâm Thị Mỹ	Trang	D22_MAR03	6.5	2	-	-	-	-	4.5	-	-	3.5
227	DH72202445	Lê Ngọc Hoàng	Trình	D22_MAR03	22	15	-	-	-	-	7	-	-	0
228	DH72202460	Hồ Thị Mộng	Trúc	D22_MAR03	25	-	-	-	-	-	22	1	2	0
229	DH72202461	Hồ Thị Thanh	Trúc	D22_MAR03	21.5	-	-	-	-	-	18.5	1	2	0
230	DH72202472	Võ Nguyễn Bội	Truyền	D22_MAR03	10.5	4	-	-	2.5	-	4	-	-	0
231	DH72202473	Đặng Kim	Tú	D22_MAR03	81.5	46	-	2	-	-	31.5	-	2	0
232	DH72202477	Phạm Thị Cẩm	Tú	D22_MAR03	15.5	13	-	-	1	-	1.5	-	-	0
233	DH72202501	Nguyễn Trọng	Văn	D22_MAR03	11	10.5	-	-	0.5	-	-	-	-	0
234	DH72202508	Võ Phong	Vũ	D22_MAR03	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
235	DH72202509	Mã Quốc	Vượng	D22_MAR03	14	-	-	-	0.5	-	5.5	-	8	0
236	DH72202537	Mai Thị Hải	Yến	D22_MAR03	14	-	1.5	-	-	-	10.5	-	2	0
237	DH72202538	Nguyễn Thị Hải	Yến	D22_MAR03	19.5	15	-	-	0.5	-	4	-	-	0
238	DH72201915	Đỗ Thị Kim	Anh	D22_MAR04	13	-	-	2.5	1.5	-	9	-	-	0
239	DH72201919	Phạm Hoàng Tuấn	Anh	D22_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
240	DH72202978	Đặng Ngọc Trí	Bảo	D22_MAR04	15	0.5	1.5	-	1	-	10	2	-	0
241	DH72203876	Phan Tấn	Đạt	D22_MAR04	18	-	2	1	1.5	-	13.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
242	DH72201969	Trần Thu	Đạt	D22_MAR04	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
243	DH72201986	Đặng Đức	Dương	D22_MAR04	16	14	-	-	0.5	-	1.5	-	-	0
244	DH72201989	Ngô Thị Thùy	Dương	D22_MAR04	13	-	-	1	4	-	8	-	-	0
245	DH72203705	Nguyễn Khánh	Duy	D22_MAR04	6	-	-	-	1	-	5	-	-	4
246	DH72201998	Đinh Ngọc Phương	Duyên	D22_MAR04	11.5	-	-	3	1	-	7.5	-	-	0
247	DH72202000	Lê Thị	Duyên	D22_MAR04	12.5	-	0.5	1.5	1.5	-	9	-	-	0
248	DH72202015	Nguyễn Thị Cẩm	Giàu	D22_MAR04	18.5	12.5	0.5	1	0.5	-	4	-	-	0
249	DH72202027	Phan Trần Bảo	Hân	D22_MAR04	11.5	-	-	4	-	-	7.5	-	-	0
250	DH72203693	Nguyễn Đức	Hưng	D22_MAR04	11	0.5	0.5	1	0.5	-	8.5	-	-	0
251	DH72202075	Dương Thị Quỳnh	Hương	D22_MAR04	3.5	-	-	1	0.5	-	2	-	-	6.5
252	DH72203736	Võ Nhật	Huy	D22_MAR04	14	0.5	1	1	1	-	6	-	4.5	0
253	DH72202100	Thái Thị Mỹ	Huyền	D22_MAR04	11	-	-	1	4	-	4	2	-	0
254	DH72202101	Trương Ngọc Mỹ	Huyền	D22_MAR04	19.5	13.5	-	1	0.5	-	4.5	-	-	0
255	DH72202111	Đoàn Thị Phương	Khanh	D22_MAR04	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
256	DH72202116	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	D22_MAR04	17	-	0.5	1	-	-	9	-	6.5	0
257	DH72202124	Nguyễn Tiến	Khôi	D22_MAR04	13	-	0.5	1	1.5	-	10	-	-	0
258	DH72202961	Nguyễn Thị Thanh	Lan	D22_MAR04	10	-	1	1	4	-	4	-	-	0
259	DH72202149	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D22_MAR04	11.5	-	-	1	5	-	5.5	-	-	0
260	DH72202936	Đoàn Vũ	Luân	D22_MAR04	10	-	-	1	1	-	8	-	-	0
261	DH72203729	Đinh Thị Cẩm	Ly	D22_MAR04	12.5	0.5	0.5	1	4	-	5.5	1	-	0
262	DH72202180	Lâm Trần Tuấn	Minh	D22_MAR04	10.5	-	-	6	0.5	-	2	2	-	0
263	DH72202183	Trần Ngọc Thái	Minh	D22_MAR04	2.5	-	-	1	-	-	1.5	-	-	7.5
264	DH72202198	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nga	D22_MAR04	11	-	0.5	1.5	3	-	6	-	-	0
265	DH72202941	Quách Tú	Nga	D22_MAR04	10	-	-	1	0.5	-	8.5	-	-	0
266	DH72202935	Vương Mỹ	Nga	D22_MAR04	9.5	-	0.5	1	0.5	-	7.5	-	-	0.5
267	DH72202208	Nguyễn Đạt Ngọc	Ngân	D22_MAR04	15.5	-	-	1	6	-	8.5	-	-	0
268	DH72202214	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D22_MAR04	11	-	1	1	2.5	-	6.5	-	-	0
269	DH72202215	Trần Thị Kim	Ngân	D22_MAR04	11	-	0.5	2	0.5	-	7	1	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
270	DH72202235	Đinh Thị Thu	Nguyệt	D22_MAR04	11.5	-	-	1	1	-	9.5	-	-	0
271	DH72202248	Lê Yến	Nhi	D22_MAR04	11	-	-	1	2.5	-	6.5	1	-	0
272	DH72202287	Lý Tuyết	Phụng	D22_MAR04	15.5	-	-	1	6	-	8.5	-	-	0
273	DH72202293	Bùi Lại Kỳ	Phương	D22_MAR04	9.5	-	-	1	0.5	-	8	-	-	0.5
274	DH72202316	Nguyễn Duy	Sang	D22_MAR04	11	0.5	-	2.5	3.5	-	2.5	2	-	0
275	DH72203708	Trần Lê Thanh	Son	D22_MAR04	2	-	-	1	0.5	-	0.5	-	-	8
276	DH72203799	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D22_MAR04	7.5	-	-	1	1.5	-	5	-	-	2.5
277	DH72202355	Nguyễn Thị	Thảo	D22_MAR04	7	1	-	1	-	-	5	-	-	3
278	DH72203732	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D22_MAR04	9	-	-	1	2.5	-	5.5	-	-	1
279	DH72202367	Nguyễn Bảo	Thi	D22_MAR04	13	-	0.5	1	-	-	4	-	7.5	0
280	DH72202377	Đỗ Thành	Thông	D22_MAR04	12.5	-	0.5	4	-	-	8	-	-	0
281	DH72202378	Đinh Thị Hoài	Thu	D22_MAR04	17	14.5	-	1	-	-	1.5	-	-	0
282	DH72203702	Lê Ngọc	Thu	D22_MAR04	12	-	0.5	1	2.5	-	8	-	-	0
283	DH72202380	Lê Anh	Thư	D22_MAR04	10.5	-	0.5	1.5	1	-	7.5	-	-	0
284	DH72202398	Lê Thị Thu	Thúy	D22_MAR04	11	-	0.5	2	0.5	-	7	1	-	0
285	DH72202399	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thúy	D22_MAR04	27	23	-	1	0.5	1	1.5	-	-	0
286	DH72203784	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D22_MAR04	11.5	-	-	1	6.5	-	4	-	-	0
287	DH72202404	Trần Ngô Ngọc Hồng	Thy	D22_MAR04	12	1	-	4	-	-	7	-	-	0
288	DH72202415	Nguyễn Ngọc Khánh	Trâm	D22_MAR04	15.5	-	1.5	2	2.5	-	9.5	-	-	0
289	DH72202970	Huỳnh Huyền	Trân	D22_MAR04	8.5	-	-	-	3	-	4.5	1	-	1.5
290	DH72202946	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	D22_MAR04	4.5	-	-	-	-	-	3.5	1	-	5.5
291	DH72202431	Trần Kim Ngọc	Trân	D22_MAR04	15	1	-	1	2	-	11	-	-	0
292	DH72202444	Nguyễn Viết	Triều	D22_MAR04	7	-	-	0.5	3.5	-	2	1	-	3
293	DH72202972	Nguyễn Ngọc	Trường	D22_MAR04	11	-	-	-	1	-	7	3	-	0
294	DH72202479	Lai Lưu Minh	Tuấn	D22_MAR04	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
295	DH72202488	Mai Thị Thanh	Tuyền	D22_MAR04	12	-	-	-	2.5	-	9.5	-	-	0
296	DH72202507	Nguyễn Quang	Vinh	D22_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
297	DH72203920	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	D22_MAR04	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
298	DH72203775	Nguyễn Thúy Vy		D22_MAR04	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
299	DH72202525	Trần Thị Phương Vy		D22_MAR04	11.5	-	-	-	7	-	4.5	-	-	0
300	DH72202541	Thái Thùy Kiều	Yến	D22_MAR04	10.5	-	0.5	-	3.5	-	6.5	-	-	0
301	DH72202542	Tô Ngọc Hoàng	Yến	D22_MAR04	12.5	-	0.5	-	1	-	11	-	-	0
302	DH72201912	Phạm Nguyễn Phúc	An	D22_TC01	10.5	1	-	-	5	-	3.5	1	-	0
303	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiêu	Anh	D22_TC01	24.5	-	0.5	3	-	-	13.5	-	7.5	0
304	DH72201933	Phan Ngọc Gia	Bảo	D22_TC01	261.5	148	2	6	-	-	103	2	1	0
305	DH72201947	Ngô Thị Ngọc	Chi	D22_TC01	12	-	0.5	-	2.5	-	9	-	-	0
306	DH72201950	Bùi Thị Diệu	Chinh	D22_TC01	13	-	1	2	3	-	6	1	-	0
307	DH72201953	Đỗ Thị Hồng	Cúc	D22_TC01	21.5	1	-	-	-	-	13.5	-	7	0
308	DH72201958	Châu	Danh	D22_TC01	15.5	0.5	0.5	0.5	2.5	-	7.5	-	4	0
309	DH72201972	Trần Thị Hoàng	Diệp	D22_TC01	10	-	0.5	-	2	-	7.5	-	-	0
310	DH72201993	Bùi Mai Bảo	Duy	D22_TC01	13.5	-	0.5	-	1.5	-	10.5	1	-	0
311	DH72202003	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D22_TC01	12.5	0.5	0.5	-	1	-	7.5	-	3	0
312	DH72202024	Nguyễn Gia	Hân	D22_TC01	12.5	-	0.5	-	0.5	-	11.5	-	-	0
313	DH72202043	Nguyễn Lê Phúc	Hậu	D22_TC01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
314	DH72202052	Trần Thị	Hiền	D22_TC01	13	-	0.5	-	0.5	-	12	-	-	0
315	DH72202053	Trần Thị Huệ	Hiền	D22_TC01	15.5	-	0.5	-	-	-	14	1	-	0
316	DH72202058	Trần Minh	Hiếu	D22_TC01	9.5	-	0.5	-	1	-	4	-	4	0.5
317	DH72202060	Kiều Ngọc	Hoa	D22_TC01	21.5	-	0.5	-	-	-	10.5	1	9.5	0
318	DH72202064	Trần Thị Thu	Hòa	D22_TC01	13.5	-	0.5	-	-	-	12	1	-	0
319	DH72202086	Lưu Thanh	Huy	D22_TC01	12.5	-	0.5	-	-	-	11	1	-	0
320	DH72202096	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	D22_TC01	18.5	-	-	-	3	-	6	-	9.5	0
321	DH72202105	Đặng Phúc	Khang	D22_TC01	11	-	0.5	-	0.5	-	10	-	-	0
322	DH72202109	Phạm Duy	Khang	D22_TC01	7.5	-	0.5	-	1.5	-	5.5	-	-	2.5
323	DH72202112	Lê Duy	Khánh	D22_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
324	DH72202140	Nguyễn Trần Thu	Lan	D22_TC01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
325	DH72202141	Nguyễn Kim	Lên	D22_TC01	17	-	0.5	-	1.5	-	11	-	4	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
326	DH72202147	Huỳnh Xuân	Linh	D22_TC01	62.5	11.5	-	1	5.5	-	42.5	-	2	0
327	DH72202154	Trần Ngọc Trúc	Linh	D22_TC01	21	17	0.5	1	-	-	2.5	-	-	0
328	DH72202160	Trịnh Đình	Lộc	D22_TC01	8	-	-	1	1	-	5	-	1	2
329	DH72202162	Nguyễn Tuấn	Lợi	D22_TC01	17	1	-	1	-	-	15	-	-	0
330	DH72202181	Nguyễn Thành	Minh	D22_TC01	7.5	-	-	1	2	-	4.5	-	-	2.5
331	DH72202182	Trần Gia	Minh	D22_TC01	13.5	-	1	1	2.5	-	9	-	-	0
332	DH72202184	Liều Thị Kiều	My	D22_TC01	4.5	-	-	1	-	-	3.5	-	-	5.5
333	DH72202188	Nguyễn Thị Trà	My	D22_TC01	14	-	0.5	1	-	-	11.5	1	-	0
334	DH72202196	Nguyễn Phan Thanh	Nam	D22_TC01	10.5	-	0.5	1	0.5	-	8.5	-	-	0
335	DH72202202	Hoàng Thanh	Ngân	D22_TC01	14	-	-	1	-	-	11	2	-	0
336	DH72202243	Châu Tuyết	Nhi	D22_TC01	11.5	-	-	1	3	-	7.5	-	-	0
337	DH72202247	Lê Yến	Nhi	D22_TC01	12.5	-	-	1	4.5	-	7	-	-	0
338	DH72202257	Trần Yến	Nhi	D22_TC01	10	-	1	2	2.5	-	3.5	1	-	0
339	DH72114740	Lương Thị Quỳnh	Như	D22_TC01	10	3	-	1	4	-	2	-	-	0
340	DH72202273	Ngô Trần Hồng	Nhung	D22_TC01	76.5	23.5	-	1	8	-	42	-	2	0
341	DH72202304	Thái Quốc	Quy	D22_TC01	13	-	1	1	2.5	-	8.5	-	-	0
342	DH72201872	Nguyễn Như	Quỳnh	D22_TC01	10	-	-	1	4.5	-	4.5	-	-	0
343	DH72202313	Trương Thị Ngọc	Quỳnh	D22_TC01	16	1	4	1	-	-	9	1	-	0
344	DH72202329	Trần Thị Thanh	Tâm	D22_TC01	10.5	-	0.5	1	0.5	-	8.5	-	-	0
345	DH72202330	Vương Nhựt	Tâm	D22_TC01	17.5	-	0.5	1.5	1	-	10.5	-	4	0
346	DH72202351	Lê Thanh	Thảo	D22_TC01	14	-	-	1	1	-	8	-	4	0
347	DH72202353	Ngô Thiều Phương	Thảo	D22_TC01	10.5	-	0.5	1	2	-	7	-	-	0
348	DH72202368	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	D22_TC01	12	-	-	3	0.5	-	4.5	-	4	0
349	DH72202369	Trần Đình	Thi	D22_TC01	12	-	0.5	1	0.5	-	10	-	-	0
350	DH72202373	Đặng Thị Tiểu	Thơ	D22_TC01	13.5	0.5	0.5	1	2	-	2.5	-	7	0
351	DH72202386	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D22_TC01	16.5	-	0.5	1	6.5	-	8.5	-	-	0
352	DH72202391	Trương Thị Anh	Thư	D22_TC01	12.5	-	0.5	1	0.5	-	9.5	1	-	0
353	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài	Thương	D22_TC01	12.5	0.5	0.5	1	-	-	10.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
354	DH72202400	Phan Thị Cẩm	Thúy	D22_TC01	33.5	19	0.5	1	-	-	8	-	5	0
355	DH72202403	Nguyễn Thị Minh	Thùy	D22_TC01	10.5	-	0.5	1	2.5	-	6.5	-	-	0
356	DH72202406	Võ Thị Cẩm	Tiên	D22_TC01	10	-	0.5	1	1	-	4.5	1	2	0
357	DH72202435	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D22_TC01	11	-	-	1	1.5	-	8.5	-	-	0
358	DH72202462	Lê Thị Thanh	Trúc	D22_TC01	13.5	-	-	-	9	-	4.5	-	-	0
359	DH72202463	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	D22_TC01	18.5	-	4	1	-	-	6.5	1	6	0
360	DH72202482	Nguyễn Thanh Hải	Tuấn	D22_TC01	14	-	-	1	0.5	-	12.5	-	-	0
361	DH72202485	Nguyễn Thanh	Tùng	D22_TC01	2	-	0.5	1	-	-	0.5	-	-	8
362	DH72202492	Đặng Ngọc Trinh	Tuyết	D22_TC01	11	-	-	1	3	-	7	-	-	0
363	DH72202495	Nguyễn Mỹ	Uyên	D22_TC01	11.5	-	0.5	1	1.5	-	8.5	-	-	0
364	DH72202500	Vương Ngọc Hải	Vân	D22_TC01	12	-	0.5	2	-	-	8	1	0.5	0
365	DH72202505	Võ Thùy	Vi	D22_TC01	11	-	-	3	2.5	-	4.5	1	-	0
366	DH72202512	Huỳnh Thoại	Vy	D22_TC01	14	-	1	1	3	-	9	-	-	0
367	DH72202516	Mai Ngọc Phương	Vy	D22_TC01	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
368	DH72202517	Nguyễn Đào Tường	Vy	D22_TC01	14.5	-	-	1	2.5	-	11	-	-	0
369	DH72202518	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	D22_TC01	10	-	-	2	2.5	-	4.5	1	-	0
370	DH72202526	Trần Thụy Thúy	Vy	D22_TC01	10	-	-	1	2.5	-	4.5	2	-	0
371	DH72202529	Nguyễn Thị Bút	Xuyên	D22_TC01	20	1	-	6	1	-	12	-	-	0
372	DH72202533	Hồ Ngọc	Yến	D22_TC01	11.5	-	-	1	2	-	8.5	-	-	0
373	DH72201918	Nguyễn Lê Kim	Anh	D22_TC02	44	18	0.5	0.5	-	-	22	-	3	0
374	DH72202966	Phan Châu	Anh	D22_TC02	11.5	-	0.5	-	-	-	11	-	-	0
375	DH72201928	Nguyễn Thị Kim	ánh	D22_TC02	7.5	6	-	-	-	-	1.5	-	-	2.5
376	DH72201945	Trần Thị Quỳnh	Châu	D22_TC02	21	18	-	-	0.5	-	2.5	-	-	0
377	DH72201948	Nguyễn Bạch Yến	Chi	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
378	DH72203007	Nguyễn Thị Bích	Đào	D22_TC02	11.5	-	0.5	-	-	-	11	-	-	0
379	DH72201964	Đỗ Tiến	Đạt	D22_TC02	17.5	0.5	0.5	-	0.5	-	11	2	3	0
380	DH72203750	Nguyễn Phát	Đạt	D22_TC02	10.5	-	-	-	7.5	-	3	-	-	0
381	DH72201966	Trần Phát	Đạt	D22_TC02	10	0.5	-	-	-	-	9.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
382	DH72203695	Trần Thị Thùy	Dương	D22_TC02	13.5	-	0.5	-	5.5	-	6.5	1	-	0
383	DH72202930	Đặng Khánh	Duy	D22_TC02	5	-	-	-	1.5	-	3.5	-	-	5
384	DH72201996	Bùi Trần Thảo	Duyên	D22_TC02	13	-	0.5	-	1.5	-	11	-	-	0
385	DH72202011	Trần Hoàng	Giang	D22_TC02	13	-	-	-	-	-	13	-	-	0
386	DH72202959	Lê Văn	Hà	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
387	DH72202906	Đỗ Thụy Gia	Hân	D22_TC02	10	-	0.5	2	2	-	3.5	2	-	0
388	DH72202031	Lê Mỹ	Hằng	D22_TC02	12.5	0.5	0.5	-	0.5	-	11	-	-	0
389	DH72202042	Lê Phúc	Hậu	D22_TC02	11	-	-	-	1.5	-	8.5	1	-	0
390	DH72202047	Hoàng Thị Thu	Hiền	D22_TC02	10	-	-	-	-	-	10	-	-	0
391	DH72202951	Quách Thị Thu	Hiền	D22_TC02	10.5	-	0.5	2	3	-	5	-	-	0
392	DH72202061	Phan Nguyễn Thị Kim	Hoa	D22_TC02	14.5	10	-	-	0.5	-	4	-	-	0
393	DH72203685	Tạ Minh	Hùng	D22_TC02	12	-	-	-	1	-	11	-	-	0
394	DH72202079	Nguyễn Thị Thu	Hương	D22_TC02	4.5	-	-	-	1.5	-	3	-	-	5.5
395	DH72202080	Nguyễn Tuyết	Hương	D22_TC02	14	5	-	-	2.5	-	6.5	-	-	0
396	DH72202131	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	D22_TC02	9	-	1	-	3	-	5	-	-	1
397	DH72202134	Huỳnh Vỹ	Kỳ	D22_TC02	13	-	-	-	-	-	13	-	-	0
398	DH72202150	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Linh	D22_TC02	10.5	-	1	-	2.5	-	7	-	-	0
399	DH72202155	Trần Thị Trúc	Linh	D22_TC02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
400	DH72203712	Quách Thị Gia	Lợi	D22_TC02	10	-	0.5	-	4.5	-	5	-	-	0
401	DH72203734	Lê Thanh	Mai	D22_TC02	10	-	0.5	1	1	-	7.5	-	-	0
402	DH72202178	Lâm Gia	Mẫn	D22_TC02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
403	DH72203682	Nguyễn Thị Kiều	Mi	D22_TC02	11.5	5	-	-	1.5	-	5	-	-	0
404	DH72202186	Nguyễn Liễu Trà	Mỹ	D22_TC02	16	1.5	0.5	-	-	-	9.5	-	4.5	0
405	DH72202192	Châu Thị Thê	Mỹ	D22_TC02	15	-	-	-	-	-	15	-	-	0
406	DH72202223	Đào Thị Kim	Ngọc	D22_TC02	6	-	-	-	0.5	-	1.5	4	-	4
407	DH72202224	Lê Thị Diễm	Ngọc	D22_TC02	20.5	17	0.5	-	-	-	3	-	-	0
408	DH72202229	Nguyễn Huỳnh Đăng	Nguyên	D22_TC02	6.5	0.5	-	-	-	-	6	-	-	3.5
409	DH72202234	Đặng Lê Như	Nguyệt	D22_TC02	2	-	-	-	2	-	-	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
410	DH72202237	Nguyễn Phạm Thanh	Nhàn	D22_TC02	10.5	-	1	-	2.5	-	7	-	-	0
411	DH72202256	Tăng Thị Kiều	Nhi	D22_TC02	4	-	-	-	1.5	-	2.5	-	-	6
412	DH72202264	Nguyễn Quỳnh	Như	D22_TC02	10	-	-	-	3.5	-	6.5	-	-	0
413	DH72202271	Trần Quỳnh	Như	D22_TC02	12.5	-	0.5	-	0.5	-	8.5	-	3	0
414	DH72202942	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D22_TC02	10.5	-	0.5	1.5	5	-	3.5	-	-	0
415	DH72202278	Diệp	Phát	D22_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
416	DH72202279	Huỳnh Tấn	Phát	D22_TC02	10	2	0.5	-	1.5	-	6	-	-	0
417	DH72202283	Huỳnh Hoàng	Phúc	D22_TC02	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
418	DH72202288	Trần Huệ	Phụng	D22_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
419	DH72203721	Dương Huỳnh Mỹ	Phuong	D22_TC02	12	-	1	1	1	-	9	-	-	0
420	DH72202303	Nguyễn Anh	Quý	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
421	DH72202915	Triệu Nam	Quốc	D22_TC02	14	-	-	-	0.5	-	10.5	-	3	0
422	DH72202328	Phạm Thị Như	Tâm	D22_TC02	16.5	-	0.5	-	-	-	16	-	-	0
423	DH72203897	Lê Thị Phương	Thảo	D22_TC02	11	-	-	-	1.5	-	9.5	-	-	0
424	DH72202356	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D22_TC02	2.5	0.5	-	-	1	-	1	-	-	7.5
425	DH72202372	Nguyễn Quốc Phúc	Thịnh	D22_TC02	7.5	-	-	-	2.5	-	4	1	-	2.5
426	DH72202387	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D22_TC02	9.5	0.5	1	-	1	-	7	-	-	0.5
427	DH72202396	Vô Dương Hoài	Thương	D22_TC02	11	-	-	-	3.5	-	7.5	-	-	0
428	DH72202423	Đặng Thị Quế	Trân	D22_TC02	15.5	12.5	-	1.5	0.5	-	1	-	-	0
429	DH72202426	Nguyễn Ngọc Mai	Trân	D22_TC02	12.5	-	0.5	1.5	2.5	-	8	-	-	0
430	DH72203709	Nguyễn Thị Bảo	Trân	D22_TC02	11.5	-	0.5	1.5	0.5	-	9	-	-	0
431	DH72202428	Phạm Thị Bảo	Trân	D22_TC02	136	83	0.5	1.5	-	-	46.5	-	4.5	0
432	DH72202474	Dương Thị Cẩm	Tú	D22_TC02	11.5	-	-	-	1	-	7.5	-	3	0
433	DH72202489	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D22_TC02	13	-	0.5	-	2	-	7.5	-	3	0
434	DH72202494	Đinh Ngọc Tú	Uyên	D22_TC02	13.5	-	-	-	5	-	5.5	-	3	0
435	DH72202496	Nguyễn Thị Phương	Uyên	D22_TC02	13	13	-	-	-	-	-	-	-	0
436	DH72202498	Trần Thảo	Uyên	D22_TC02	4.5	-	-	-	2	-	2.5	-	-	5.5
437	DH72202503	Phan Thị Thủy	Vi	D22_TC02	13	-	0.5	-	1	-	8.5	-	3	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày CTXH đã thực hiện	Nội dung								Số ngày CTXH còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
438	DH72202932	Nguyễn Quốc Vinh	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
439	DH72202510	Nguyễn Quốc Vượng	D22_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
440	DH72202519	Nguyễn Nhã Vy	D22_TC02	18	13.5	-	1.5	1.5	-	1.5	-	-	0
441	DH72202539	Nguyễn Thị Hoàng Yến	D22_TC02	102	33	0.5	5.5	-	-	57.5	1	4.5	0

Tổng số SV: **441**

Đã hoàn thành: **326**

Chưa hoàn thành: **115**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, quyên góp, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội ở các đơn vị ngoài trường
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. HCM, ngày tháng 07 năm 2026

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. Hoàng Kim Anh